

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
AGIMEXPHARMCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/CBTT-AGP

Tp. Long Xuyên, ngày 13 tháng 02 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

- Mã chứng khoán: AGP

- Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Điện thoại liên hệ/Tel: 02963.856964

- Website: <http://agimexpharm.com>**2. Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 13/02/2025 tại đường dẫn: <https://agimexpharm.com/shareholder/?lang=en>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán;
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐS. NGUYỄN VĂN KHA

**CÔNG TY CP
DƯỢC PHẨM
AGIMEXPHARM**

Digitally signed by
CÔNG TY CP DƯỢC
PHẨM AGIMEXPHARM
Date: 2025.02.13
09:55:22 +07'00'

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

CÔNG TY CP
DƯỢC PHẨM
AGIMEXPHARM

Digitally signed by CÔNG
TY CP DƯỢC PHẨM
AGIMEXPHARM

Date: 2025.02.13 09:57:20
+07'00'

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 13 - 39 |
| 8. Phụ lục | 40 - 42 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 22 tháng 5 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : (0296) 385 6961- 385 6964
- Fax : (0296) 385 7301

Các đơn vị trực thuộc:

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|--|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm | Số 49-51-53, đường số 3A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm | 42 Nguyễn Sinh Sắc, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy Sản xuất Dược phẩm Agimexpharm | Số 66, đường Vũ Trọng Phụng, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm – Nhà máy Bình Hòa | Lô C4 Khu công nghiệp Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Chi nhánh Tây Nguyên | Số 184/84 Giải Phóng, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm | Số 46, ngõ 105, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện; Mua bán thuốc, dược phẩm; Mua bán thực phẩm dinh dưỡng; Sản xuất kinh doanh mỹ phẩm; Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm; Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế; Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (Doanh nghiệp tuân thủ quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động); Sản xuất thực phẩm chức năng; Sản xuất kinh doanh chế biến tinh dầu từ thảo dược; Sản xuất kinh doanh thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u> |
|-----------------------|----------------|---------------------------------------|
| Bà Phạm Thị Bích Thủy | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Văn Kha | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Trần Thị Đào | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Quốc Định | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Phạm Uyên Nguyên | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Huỳnh Hoàng Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Trần Thị Thanh Hằng | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Hồng Ngọc | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Phạm Hải Yến | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|-----------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Kha | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Phạm Thị Bích Thủy | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018 |
| Ông Lâm Trí Hiền | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Vũ Minh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2019 |
| Ông Huỳnh Hoàng Hà | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Kha - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Phạm Thị Bích Thủy
Chủ tịch

Ngày 12 tháng 02 năm 2025

S-
IÁN
Y TI
VÀ I
& C
INT
-TP

Số: 4.0029/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nguyễn Thùy Trang

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3592-2021-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 609.778.715.709 | 579.184.460.944 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 13.948.008.363 | 28.593.912.944 |
| 1. Tiền | 111 | | 13.948.008.363 | 28.593.912.944 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 6.097.651.256 | 6.097.651.256 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 1.097.651.256 | 1.097.651.256 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 258.783.146.773 | 239.341.930.244 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 179.484.989.939 | 170.380.121.071 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 11.395.809.469 | 12.600.930.362 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 72.277.704.717 | 60.709.741.193 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (4.375.357.352) | (4.348.862.382) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 308.381.483.918 | 290.485.910.070 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 308.381.483.918 | 290.485.910.070 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 22.568.425.399 | 14.665.056.430 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 521.868.117 | 592.986.900 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 22.046.557.282 | 14.015.068.065 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | - | 57.001.465 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 484.500.169.796 | 318.578.953.120 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 4.954.484.111 | 9.209.880.680 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 4.954.484.111 | 9.209.880.680 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 409.569.275.905 | 242.845.119.740 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 332.661.038.753 | 172.015.367.305 |
| - Nguyên giá | 222 | | 467.835.369.452 | 285.731.543.646 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (135.174.330.699) | (113.716.176.341) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.10 | 55.314.565.893 | 49.198.904.128 |
| - Nguyên giá | 225 | | 72.153.583.937 | 59.289.684.585 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (16.839.018.044) | (10.090.780.457) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 21.593.671.259 | 21.630.848.307 |
| - Nguyên giá | 228 | | 23.918.228.698 | 23.918.228.698 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.324.557.439) | (2.287.380.391) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 47.427.697.783 | 44.025.276.144 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 47.427.697.783 | 44.025.276.144 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 17.130.750.000 | 17.130.750.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2c | 17.130.750.000 | 17.130.750.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5.417.961.997 | 5.367.926.556 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 5.417.961.997 | 5.367.926.556 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.094.278.885.505 | 897.763.414.064 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 694.419.479.026 | 543.079.077.260 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 575.850.059.614 | 525.293.552.412 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 116.186.090.928 | 99.387.810.002 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 5.840.952.759 | 1.774.227.080 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 11.518.187.495 | 10.443.966.097 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | - | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 1.013.603.826 | 823.938.734 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.17 | 379.827.892 | 610.781.740 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 1.091.395.710 | 1.417.508.397 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a | 422.757.402.847 | 393.089.608.885 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 17.062.598.157 | 17.745.711.477 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 118.569.419.412 | 17.785.524.848 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b | 118.569.419.412 | 17.785.524.848 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 399.859.406.479 | 354.684.336.804 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 399.859.406.479 | 354.684.336.804 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.21a | 231.439.410.000 | 206.644.530.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 231.439.410.000 | 206.644.530.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.21a | 25.726.714.700 | 25.726.714.700 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.21a | 93.803.543.069 | 78.700.305.421 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.21a | 48.889.738.710 | 43.612.786.683 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 43.612.786.683 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 48.889.738.710 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.094.278.885.505 | 897.763.414.064 |

Đỗ Thị Kim Lén
Người lậpTrần Nguyễn Minh Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Văn Kha
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 799.149.067.144 | 728.406.444.724 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 5.887.873.702 | 3.276.338.451 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 793.261.193.442 | 725.130.106.273 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 560.244.231.092 | 510.403.984.936 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 233.016.962.350 | 214.726.121.337 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 2.974.573.855 | 630.869.494 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 32.597.535.588 | 39.089.942.209 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 29.377.177.633 | 35.448.415.211 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 97.704.189.406 | 82.644.842.348 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 45.094.611.404 | 39.692.723.111 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 60.595.199.807 | 53.929.483.163 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 182.542.399 | 266.270.942 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 296.558.708 | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (114.016.309) | 266.270.942 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 60.481.183.498 | 54.195.754.105 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.15 | 11.591.444.788 | 10.582.967.422 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 48.889.738.710 | 43.612.786.683 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10a,b | 1.940 | 1.771 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10a,b | 1.940 | 1.771 |

Đỗ Thị Kim Lén
Người lậpTrần Nguyễn Minh Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Văn Kha
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 60.481.183.498 | 54.195.754.105 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, V.10, V.11 | 31.890.192.894 | 30.606.068.363 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | 26.494.970 | 80.328.858 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4 | 128.036.451 | 92.815.996 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4, VI.9 | (102.675.456) | (516.224.093) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 29.377.177.633 | 35.448.415.211 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 121.800.409.990 | 119.907.158.440 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (19.287.845.531) | (9.050.839.027) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (17.895.573.848) | (18.204.243.375) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 20.368.410.594 | 9.443.213.463 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 21.083.342 | (2.600.067.367) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | (138.461.623) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.16, VI.5 | (29.279.383.452) | (35.444.400.681) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (10.582.967.422) | (6.348.334.287) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.20 | 2.460.000 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (4.391.806.953) | (7.314.490.498) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 60.754.786.720 | 50.249.535.045 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.4, V.13, V.9, V.10, V.12 | (223.273.767.719) | (98.035.182.514) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | V.9, VI.9 | 17.522.594.093 | 21.678.282.317 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (7.000.000.000) | (5.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 7.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 138.461.623 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a, VI.4 | 367.100.959 | 436.579.198 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (205.384.072.667) | (75.781.859.376) |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------------|------------------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 8.984.620.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.19a,b | 715.297.928.544 | 580.903.399.136 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.19a | (565.524.106.584) | (517.203.591.031) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | V.19a,b | (19.322.133.434) | (18.355.602.244) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.21a | (463.224.020) | (9.094.834.800) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u><i>129.988.464.506</i></u> | <u><i>45.233.991.061</i></u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (14.640.821.441) | 19.701.666.730 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 28.593.912.944 | 8.883.989.927 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (5.083.140) | 8.256.287 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>13.948.008.363</u> | <u>28.593.912.944</u> |

An Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2025

Đỗ Thị Kim Lén
Người lậpTrần Nguyễn Minh Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Văn Kha
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện; Mua bán thuốc, dược phẩm; Mua bán thực phẩm dinh dưỡng; Sản xuất kinh doanh mỹ phẩm; Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm; Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế; Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (Doanh nghiệp tuân thủ quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động); Sản xuất thực phẩm chức năng; Sản xuất kinh doanh chế biến tinh dầu từ thảo dược; Sản xuất kinh doanh thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên doanh

Công ty chỉ đầu tư vào USA-AGP Pharma, LLC có trụ sở chính tại số 14314 đường Brookhurst, thành phố Graden Grove, California, 92843. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên doanh này là đóng gói và kinh doanh các sản phẩm viên nang, viên nén đóng chai thuộc thực phẩm chức năng, dược liệu, linh chi, đông trùng hạ thảo. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên doanh này là 43,24% do chưa góp đủ vốn, nhưng theo thỏa thuận Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HDHTKD ngày 18 tháng 3 năm 2019 tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu của Công ty vẫn theo tỷ lệ 50%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 490 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 478 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên doanh. Nếu công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 02 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 10 |

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 03 – 15 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao phương pháp đường thẳng theo thời gian ghi trên quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

5-D
ÁNH
/ TNH
/ T
/ C
/ TH
/ P.C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 4.791.483.403 | 2.617.569.901 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 9.156.524.960 | 25.976.343.043 |
| Cộng | <u>13.948.008.363</u> | <u>28.593.912.944</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | <u>Số cuối năm</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Cổ phiếu | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm | 1.052.350.306 | 7.432.392.000 | - | 1.052.350.306 | 3.189.466.600 | - |
| Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar | 45.300.950 | 135.346.500 | - | 45.300.950 | 122.524.200 | - |
| Cộng | <u>1.097.651.256</u> | <u>7.567.738.500</u> | <u>-</u> | <u>1.097.651.256</u> | <u>3.311.990.800</u> | <u>-</u> |

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 5,3%/năm ⁽ⁱ⁾ | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Cộng | <u>5.000.000.000</u> | <u>5.000.000.000</u> | <u>5.000.000.000</u> | <u>5.000.000.000</u> |

⁽ⁱ⁾ Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.19a).

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--------------------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Đầu tư vào công ty liên doanh | | | | |
| USA-AGP Pharma, LLC ⁽ⁱ⁾ | 17.130.750.000 | - | 17.130.750.000 | - |
| Cộng | <u>17.130.750.000</u> | <u>-</u> | <u>17.130.750.000</u> | <u>-</u> |

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 201900695, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 7 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 09 tháng 4 năm 2022 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào USA-AGP Pharma, LLC 19.663.050.000 VND (tương đương 850.000 USD), chiếm 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 17.130.750.000 VND (tương đương

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

735.000 USD), chiếm 43,24% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào USA-AGP Pharma, LLC là 2.532.300.000 VND (tương đương 115.000 USD).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

USA-AGP Pharma, LLC là nhà máy sản xuất kinh doanh các sản phẩm viên nang, viên nén đóng chai thuộc thực phẩm chức năng, dược liệu, linh chi, đông trùng hạ thảo. USA-AGP Pharma, LLC được cấp giấy phép bán hàng hóa vào ngày 15 tháng 02 năm 2023, Công ty chính thức đi vào hoạt động kinh doanh năm 2024 và chưa phát sinh doanh thu.

Giao dịch với công ty liên doanh

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng cho USA-AGP Pharma, LLC là công ty liên doanh với số tiền là 201.871.420 VND (năm trước không phát sinh giao dịch).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu bên liên quan | 962.864.189 | - |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm | 962.864.189 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 178.522.125.750 | 170.380.121.071 |
| Công ty TNHH Dược Tuệ Nam | 8.745.623.271 | 2.867.302.988 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Xuyên Á | 8.931.091.099 | 13.369.929.004 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharmacity | 8.009.590.959 | 8.148.899.848 |
| Công ty TNHH Nagomed | 6.601.107.705 | 12.936.429.946 |
| Các khách hàng khác | 146.234.712.716 | 133.057.559.285 |
| Cộng | 179.484.989.939 | 170.380.121.071 |

Một số công nợ phải thu khách hàng cuối năm có giá trị ghi sổ là 64.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.19a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Khang Gia | 10.106.742.018 | 5.153.500.000 |
| Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ điện lạnh Long Giang | - | 1.916.774.242 |
| Công ty TNHH Công nghệ tự động HTP | - | 1.716.132.000 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Chi | - | 1.500.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.289.067.451 | 2.314.524.120 |
| Cộng | 11.395.809.469 | 12.600.930.362 |

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Trong đó: | | |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản | 10.873.072.018 | 6.950.882.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 88.027.397 | - | 111.082.192 | - |
| Tạm ứng | 37.039.568.135 | - | 28.309.248.027 | - |
| Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 32.297.027.947 | - | 28.156.109.040 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 2.853.081.238 | - | 4.133.301.934 | - |
| Cộng | 72.277.704.717 | - | 60.709.741.193 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | 4.375.357.352 | - | 4.348.862.382 | - |
| Cộng | 4.375.357.352 | - | 4.348.862.382 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 4.348.862.382 | 4.268.533.524 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 26.494.970 | 80.328.858 |
| Số cuối năm | 4.375.357.352 | 4.348.862.382 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 158.690.608.803 | - | 147.299.226.794 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 23.778.998.017 | - | 31.392.481.769 | - |
| Thành phẩm | 124.631.128.058 | - | 110.402.333.359 | - |
| Hàng hóa | 1.280.749.040 | - | 1.391.868.148 | - |
| Cộng | 308.381.483.918 | - | 290.485.910.070 | - |

Một số hàng tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 238.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 60.026.030 | 280.408.333 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 461.842.087 | 312.578.567 |
| Cộng | 521.868.117 | 592.986.900 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 2.958.322.313 | 3.429.390.051 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 895.328.687 | 380.394.641 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 1.564.310.997 | 1.558.141.864 |
| Cộng | <u>5.417.961.997</u> | <u>5.367.926.556</u> |

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 276.338.360.365 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a và V.19b).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

| | <u>Máy móc và thiết bị</u> |
|--|------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 59.289.684.585 |
| Tăng trong năm | 17.344.062.988 |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | (4.480.163.636) |
| Số cuối năm | <u>72.153.583.937</u> |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 10.090.780.457 |
| Khấu hao trong năm | 9.146.798.165 |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | (2.398.560.578) |
| Số cuối năm | <u>16.839.018.044</u> |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 49.198.904.128 |
| Số cuối năm | <u>55.314.565.893</u> |

11. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất (*)</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 22.114.149.854 | 1.804.078.844 | 23.918.228.698 |
| Số cuối năm | <u>22.114.149.854</u> | <u>1.804.078.844</u> | <u>23.918.228.698</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 1.804.078.844 | 1.804.078.844 |
| Chờ thanh lý | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 483.301.547 | 1.804.078.844 | 2.287.380.391 |
| Khấu hao trong năm | 37.177.048 | - | 37.177.048 |
| Số cuối năm | <u>520.478.595</u> | <u>1.804.078.844</u> | <u>2.324.557.439</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Quyền sử dụng đất (*) | Phần mềm máy tính | Cộng |
|------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 21.630.848.307 | - | 21.630.848.307 |
| Số cuối năm | 21.593.671.259 | - | 21.593.671.259 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

(*) Trong đó, quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 18.185.606.937 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|--|-----------------------|--------------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 9.800.000.000 | - | 9.800.000.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 44.025.276.144 | 184.425.715.871 | (190.823.294.232) | 37.627.697.783 |
| - Công trình xây dựng Nhà máy Betalactam | 30.872.103.181 | 135.082.739.231 | (165.954.842.412) | - |
| - Công trình xây dựng đường nội bộ Nhà máy Betalactam | - | 5.030.534.816 | (5.030.534.816) | - |
| - Công trình xây dựng Hệ thống điện năng lượng mặt trời Nhà máy Betalactam | - | 5.292.505.047 | (5.292.505.047) | - |
| - Công trình xây dựng Nhà máy thuốc dạng lỏng | 1.057.037.037 | 15.687.197.572 | - | 16.744.234.609 |
| - Công trình mở rộng Nhà máy dược liệu | 580.000.000 | 2.965.018.862 | - | 3.545.018.862 |
| - Công trình xây dựng Nhà xe Mỹ Thời | - | 7.589.000.000 | (7.589.000.000) | - |
| - Các công trình khác | 7.067.062.044 | 12.778.720.343 | (6.956.411.957) | 12.889.370.430 |
| Cộng | 44.025.276.144 | 194.225.715.871 | (190.823.294.232) | 47.427.697.783 |

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm nay là 6.728.934.795 VND (năm trước là 0 VND).

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|-----------------------|
| Phải trả bên liên quan | 2.651.071.764 | 3.954.751.020 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm | 2.651.071.764 | 3.954.751.020 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 113.535.019.164 | 95.433.058.982 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Glandcore | 13.660.348.610 | 17.557.193.825 |
| Công ty TNHH Hóa Dược phẩm Phương Phúc | 22.197.386.999 | 13.535.626.487 |
| Các nhà cung cấp khác | 77.677.283.555 | 64.340.238.670 |
| Cộng | 116.186.090.928 | 99.387.810.002 |
| | Số cuối năm | Số đầu năm |

Trong đó:

| | | |
|---|---------------|-------------|
| Phải trả người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản | 1.429.549.769 | 994.416.569 |
|---|---------------|-------------|

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Điền | 2.999.999.997 | - |
| Bà Lê Bích Ngọc | 649.032.372 | 466.228.210 |
| Bà Lê Thị Hoàn Mỹ | 209.777.055 | 286.388.862 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Phụng | 128.167.200 | 221.835.330 |
| Các khách hàng khác | 1.853.976.135 | 718.732.436 |
| Cộng | 5.840.952.759 | 1.774.227.080 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nhóm các mặt hàng thuốc, dược phẩm các loại 5%
- Nhóm các loại mỹ phẩm và thực phẩm chức năng 10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Năm 2020, Công ty đã đưa vào hoạt động Dự án Nhà máy Thuốc dược liệu Bình Hòa trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Căn cứ theo các quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, dự án được hưởng ưu đãi thuế với thuế suất 17% trong 10 năm đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên địa bàn này và được miễn thuế trong 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2024 là năm thứ ba dự án được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 60.481.183.498 | 54.195.754.105 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng khác | 540.677.879 | 558.219.122 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 61.021.861.377 | 54.753.973.227 |
| Thu nhập được miễn thuế | (74.254.500) | (98.670.000) |
| Thu nhập tính thuế | 60.947.606.877 | 54.655.303.227 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 12.189.521.375 | 10.931.060.646 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông | (156.019.979) | (90.806.928) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm | (442.056.608) | (257.286.296) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 11.591.444.788 | 10.582.967.422 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Công ty nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 555.067.192 | 457.273.011 |
| Chi phí hoa hồng và khuyến mãi | 458.536.634 | 366.665.723 |
| Cộng | 1.013.603.826 | 823.938.734 |

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là lãi bán tài sản đi thuê tài chính.

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 317.700.787 | 286.117.321 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 556.935.100 | 1.017.699.120 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 216.759.823 | 113.691.956 |
| Cộng | 1.091.395.710 | 1.417.508.397 |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 402.406.337.348 | 376.570.820.402 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾ | 200.715.054.767 | 203.451.193.992 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh An Giang (tên cũ là Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang) ⁽ⁱⁱ⁾ | 12.825.860.108 | 73.439.165.543 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 99.734.098.071 | 49.991.268.027 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(iv) | 89.131.324.402 | 29.714.272.702 |
| - Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam | - | 19.974.920.138 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân ^(vi) | 400.000.000 | 400.000.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b) | 19.951.065.499 | 16.118.788.483 |
| Cộng | 422.757.402.847 | 393.089.608.885 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ không quá 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ tiết kiệm và thế chấp quyền đòi nợ, hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.2b, V.3, V.7, V.9 và V.11).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ không quá 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ không quá 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.7, V.9 và V.11).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ không quá 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho của Công ty và cầm cố tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7 và VII.1a).
- (vi) Khoản vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân bên ngoài và nhân viên Công ty để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, lãi suất 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------------|------------------------|---------------------------------|-----------------------|------------------------------|------------------------|
| | | | vay và nợ dài hạn | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 376.570.820.402 | 586.359.623.530 | - | (560.524.106.584) | 402.406.337.348 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 400.000.000 | 5.000.000.000 | - | (5.000.000.000) | 400.000.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 16.118.788.483 | - | 21.199.207.625 | (17.366.930.609) | 19.951.065.499 |
| Cộng | 393.089.608.885 | 591.359.623.530 | 21.199.207.625 | (582.891.037.193) | 422.757.402.847 |

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 106.558.000.000 | - |
| Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾ | 106.558.000.000 | - |
| Nợ thuê tài chính | 12.011.419.412 | 17.785.524.848 |
| Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chaileas để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 36 tháng | 8.178.994.176 | 9.283.115.994 |
| Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 36 tháng | 3.832.425.236 | 8.502.408.854 |
| Cộng | 118.569.419.412 | 17.785.524.848 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để thanh toán các chi phí đầu tư của dự án Nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh Beta-lactam với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 09 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thời gian ân hạn gốc 16 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc (xem thuyết minh số V.11).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| Số cuối năm | Tổng nợ | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm |
|-------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Nợ thuê tài chính | 31.962.484.911 | 19.951.065.499 |
| Cộng | 31.962.484.911 | 19.951.065.499 | 12.011.419.412 |
| Số đầu năm | | | |
| Nợ thuê tài chính | 33.904.313.331 | 16.118.788.483 | 17.785.524.848 |
| Cộng | 33.904.313.331 | 16.118.788.483 | 17.785.524.848 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền gốc phải trả | 19.951.065.499 | 12.011.419.412 | 31.962.484.911 |
| Lãi thuê phải trả | 1.971.743.794 | 724.872.305 | 2.696.616.099 |
| Nợ thuê tài chính phải trả | 21.922.809.293 | 12.736.291.717 | 34.659.101.010 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền gốc phải trả | 16.118.788.483 | 17.785.524.848 | 33.904.313.331 |
| Lãi thuê phải trả | 2.509.505.124 | 1.176.741.549 | 3.686.246.673 |
| Nợ thuê tài chính phải trả | 18.628.293.607 | 18.962.266.397 | 37.590.560.004 |

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển sang vay ngắn hạn | Số cuối năm |
|-----------------------|-----------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | - | 106.558.000.000 | - | - | - 106.558.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 17.785.524.848 | 17.380.305.014 | (1.955.202.825) | (21.199.207.625) | 12.011.419.412 |
| Cộng | 17.785.524.848 | 123.938.305.014 | (1.955.202.825) | (21.199.207.625) | 118.569.419.412 |

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Tăng khác (*) | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|--------------------------------|------------------|------------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 16.808.426.395 | 2.999.226.098 | 2.460.000 | (3.572.949.771) | 16.237.162.722 |
| Quỹ phúc lợi | 907.461.982 | - | - | (84.594.893) | 822.867.089 |
| Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 29.823.100 | 551.745.246 | - | (579.000.000) | 2.568.346 |
| Cộng | 17.745.711.477 | 3.550.971.344 | 2.460.000 | (4.236.544.664) | 17.062.598.157 |

(*) Tăng do chuyển cổ phần lẻ từ trả cổ tức bằng cổ phiếu sang Quỹ khen thưởng theo Văn bản phê duyệt của Tổng Giám đốc Công ty ngày 22 tháng 5 năm 2024.

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm | 73.042.160.000 | 65.216.220.000 |
| Ông Phạm Uyên Nguyên | 34.685.910.000 | 29.854.570.000 |
| Ông Nguyễn Văn Kha | 30.692.230.000 | 31.427.250.000 |
| Các cổ đông khác | 93.019.110.000 | 80.146.490.000 |
| Cộng | 231.439.410.000 | 206.644.530.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:12 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 12 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết số 01/NQ-AGP.ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 24.794.880.000 VND. Ngày 22 tháng 5 năm 2024, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 231.439.410.000 VND.

21c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 23.143.941 | 20.664.453 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 23.143.941 | 20.664.453 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 23.143.941 | 20.664.453 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 23.143.941 | 20.664.453 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 23.143.941 | 20.664.453 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-AGP.ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

| | <u>VND</u> |
|---|------------------|
| • Chia cổ tức bằng cổ phiếu | : 24.797.340.000 |
| • Trích quỹ khen thưởng | : 2.999.226.098 |
| • Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | : 551.745.246 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 15.264.475.339 |

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------|--------------------|----------------------|
| Cổ tức | 460.764.020 | 9.094.834.800 |
| Cộng | <u>460.764.020</u> | <u>9.094.834.800</u> |

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 9.409,98 USD (số đầu năm là 4.223,55 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 4.799.858.815 | 6.831.338.010 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 794.349.208.329 | 721.575.106.714 |
| Cộng | <u>799.149.067.144</u> | <u>728.406.444.724</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm là cổ đông lớn của Công ty với số tiền là 21.212.746.535 VND (năm trước là 17.858.550.750 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chiết khấu thương mại | 1.660.471.169 | 204.680.908 |
| Hàng bán bị trả lại | 4.020.094.177 | 3.071.657.543 |
| Giảm giá hàng bán | 207.308.356 | - |
| Cộng | <u>5.887.873.702</u> | <u>3.276.338.451</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 3.958.192.938 | 6.427.527.262 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 556.286.038.154 | 503.976.457.674 |
| Cộng | <u>560.244.231.092</u> | <u>510.403.984.936</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 64.936.184 | 26.070.662 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 344.046.164 | 124.304.404 |
| Lãi đầu tư trái phiếu, cổ phiếu | - | 161.431.507 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 74.254.500 | 98.670.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 447.767.333 | 220.392.921 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 2.043.569.674 | - |
| Cộng | <u>2.974.573.855</u> | <u>630.869.494</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 29.377.177.633 | 35.448.415.211 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 2.698.531.808 | 125.615.708 |
| Chiết khấu thanh toán cho người mua | 393.789.696 | 3.423.095.294 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 128.036.451 | 92.815.996 |
| Cộng | <u>32.597.535.588</u> | <u>39.089.942.209</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 15.706.782.325 | 14.901.050.028 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 10.090.545 | 53.956.352 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 318.339.996 | 461.599.630 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.631.243.539 | 1.535.264.500 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 71.220.642.566 | 59.200.363.487 |
| <i>Chi phí hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi, quảng cáo</i> | <i>63.319.655.341</i> | <i>52.554.960.523</i> |
| <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i> | <i>7.900.987.225</i> | <i>6.645.402.964</i> |
| Chi phí khác | 7.817.090.435 | 6.492.608.351 |
| Cộng | <u>97.704.189.406</u> | <u>82.644.842.348</u> |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 24.053.812.301 | 20.064.360.911 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 3.358.235.398 | 2.464.313.976 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.604.682.158 | 1.786.777.809 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.088.269.955 | 568.499.535 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 26.494.970 | 135.328.858 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.595.473.105 | 8.035.313.682 |
| Chi phí khác | 7.367.643.517 | 6.638.128.340 |
| Cộng | <u>45.094.611.404</u> | <u>39.692.723.111</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 131.818.182 |
| Thu phí kiểm nghiệm, phí lưu kho | 149.885.181 | 134.452.760 |
| Thu nhập khác | 32.657.218 | - |
| Cộng | <u>182.542.399</u> | <u>266.270.942</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 241.370.708 | - |
| Chi phí khác | 55.188.000 | - |
| Cộng | <u>296.558.708</u> | <u>-</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 48.889.738.710 | 43.612.786.683 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (3.363.614.023) | (2.999.226.098) |
| Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*) | (620.899.682) | (551.745.246) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 44.905.225.005 | 40.061.815.339 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 23.143.941 | 22.624.556 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 1.940 | 1.771 |

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm nay tạm trích theo tỷ lệ của Nghị quyết số 01/NQ-AGP.ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 20.664.453 | 17.969.247 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | 2.479.488 | 4.655.309 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 23.143.941 | 22.624.556 |

10b. Thông tin khác

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.119 VND xuống 1.771 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 476.384.845.840 | 456.787.789.087 |
| Chi phí nhân công | 77.756.435.592 | 68.621.811.556 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 31.890.192.894 | 30.606.068.363 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 92.691.192.917 | 79.296.311.617 |
| Chi phí khác | 16.612.194.807 | 15.279.464.090 |
| Cộng | 695.334.862.050 | 650.591.444.713 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên quản lý chủ chốt:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|-----------------|------------------|
| Thu góp vốn | - | 13.937.760.000 |
| Trả cổ tức | (8.360.310.000) | (2.956.994.500) |

Cam kết bảo lãnh

Thành viên quản lý chủ chốt Công ty đã dùng số tiết kiệm thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.19a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức danh</u> | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Bà Phạm Thị Bích Thủy | Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 474.003.750 | 470.475.000 |
| Ông Nguyễn Văn Kha | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 830.000.000 | 880.000.000 |
| Ông Huỳnh Hoàng Hà | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 431.360.250 | 282.844.000 |
| Bà Trần Thị Đào | Thành viên HĐQT | 150.000.000 | 222.000.000 |
| Ông Nguyễn Quốc Định | Thành viên HĐQT | 150.000.000 | 222.000.000 |
| Ông Phạm Uyên Nguyên | Thành viên HĐQT | 150.000.000 | 222.000.000 |
| Ông Lâm Trí Hiền | Phó Tổng Giám đốc | 169.540.680 | 155.702.320 |
| Ông Vũ Minh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | 210.522.774 | 194.462.774 |
| Bà Trần Thị Thanh Hằng | Trưởng Ban Kiểm soát | 146.000.000 | 219.000.000 |
| Bà Phạm Hải Yến | Thành viên Ban Kiểm soát | 106.732.468 | 153.247.447 |
| Bà Nguyễn Hồng Ngọc | Thành viên Ban Kiểm soát | 40.000.000 | 58.000.000 |
| Bà Lê Thị Thùy Linh | Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 08/4/2023) | - | 61.981.280 |
| Cộng | | <u>2.858.159.922</u> | <u>3.141.712.821</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|-------------------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm | Cổ đông lớn của Công ty chiếm 31,56% vốn điều lệ |
| USA-AGP Pharma, LLC | Công ty liên doanh |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|-----------------|
| Mua hàng hóa | 9.253.684.656 | 12.764.860.250 |
| Phí lưu kho | 81.818.182 | - |
| Trà cổ tức | - | (2.964.374.000) |
| Mua tài sản cố định hữu hình | - | 1.159.090.908 |
| Thu góp vốn từ trả cổ tức bằng cổ phiếu | 7.825.940.000 | 5.928.740.000 |

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thành phẩm thuốc các loại. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán hàng hóa, nguyên liệu, doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (trong năm 2024 là khoảng 0,6% tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|------------------------|------------------------|
| Trong nước | 791.645.105.636 | 723.833.677.413 |
| Nước ngoài | 1.616.087.806 | 1.296.428.860 |
| Cộng | 793.261.193.442 | 725.130.106.273 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

An Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2025

Đỗ Thị Kim Lén
Người lập

Trần Nguyễn Minh Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha
Tổng Giám đốc

315
NHÀ
TY
ANV
&
CÁI
NG.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Đơn vị tính: VND | | | | |
|--|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 165.200.032.695 | 103.767.302.941 | 13.932.021.124 | 2.832.186.886 | 285.731.543.646 |
| Mua trong năm | 279.636.364 | 7.435.515.678 | 130.000.000 | 371.780.000 | 8.216.932.042 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 178.574.377.228 | 11.109.235.186 | 1.139.681.818 | - | 190.823.294.232 |
| Tăng do chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính | - | 2.081.603.058 | - | - | 2.081.603.058 |
| Thanh lý, nhượng bán | (540.385.371) | (18.020.345.428) | (457.272.727) | - | (19.018.003.526) |
| Số cuối năm | 343.513.660.916 | 106.373.311.435 | 14.744.430.215 | 3.203.966.886 | 467.835.369.452 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 6.343.599.844 | 28.545.233.989 | 6.172.879.394 | 729.914.517 | 41.791.627.744 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 42.231.847.279 | 61.288.138.379 | 9.121.280.421 | 1.074.910.262 | 113.716.176.341 |
| Khấu hao trong năm | 10.234.698.804 | 10.677.555.975 | 1.451.008.480 | 343.154.422 | 22.706.217.681 |
| Thanh lý, nhượng bán | (540.385.371) | (666.321.380) | (41.356.572) | - | (1.248.063.323) |
| Số cuối năm | 51.926.160.712 | 71.299.172.974 | 10.530.932.329 | 1.418.064.684 | 135.174.330.699 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 122.968.185.416 | 42.479.164.562 | 4.810.740.703 | 1.757.276.624 | 172.015.367.305 |
| Số cuối năm | 291.587.500.204 | 35.074.138.461 | 4.213.497.886 | 1.785.902.202 | 332.661.038.753 |
| Trong đó: | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Handwritten signature



Trần Nguyễn Minh Hiền
 Kế toán trưởng

Đỗ Thị Kim Lén
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|--|-----------------------|-------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | - | 39.964.211 | (39.964.211) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.443.966.097 | - | 11.591.444.788 | (10.582.967.422) | 11.452.443.463 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 57.001.465 | 2.580.989.980 | (2.458.244.483) | 65.744.032 | - |
| Thuế nhà đất | - | - | 34.448.989 | (34.448.989) | - | - |
| Tiền thuế đất | - | - | 986.820.968 | (986.820.968) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 78.666.664 | (78.666.664) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 15.000.000 | (15.000.000) | - | - |
| Cộng | 10.443.966.097 | 57.001.465 | 15.327.335.600 | (14.196.112.737) | 11.518.187.495 | - |

Đơn vị tính: VND



Đỗ Thị Kim Lén
Người lập



Trần Nguyễn Minh Hiền
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 179.692.470.000 | 25.726.714.700 | 65.838.076.707 | 42.910.272.595 | 314.167.534.002 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước | 17.967.440.000 | - | - | (17.967.440.000) | - |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm trước | 8.984.620.000 | - | - | - | 8.984.620.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 43.612.786.683 | 43.612.786.683 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | 12.873.081.778 | (15.956.402.095) | (3.083.320.317) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | (8.986.430.500) | (8.986.430.500) |
| Chi quỹ trong năm trước | - | - | (10.853.064) | - | (10.853.064) |
| Số dư cuối năm trước | 206.644.530.000 | 25.726.714.700 | 78.700.305.421 | 43.612.786.683 | 354.684.336.804 |
| Số dư đầu năm nay | 206.644.530.000 | 25.726.714.700 | 78.700.305.421 | 43.612.786.683 | 354.684.336.804 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay | 24.794.880.000 | - | - | (24.794.880.000) | - |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 48.889.738.710 | 48.889.738.710 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | - | - | 15.264.475.339 | (18.815.446.683) | (3.550.971.344) |
| Chi quỹ trong năm nay | - | - | (161.237.691) | - | (161.237.691) |
| Chuyển cổ phần từ trả cổ tức bằng cổ phiếu sang Quỹ khen thưởng | - | - | - | (2.460.000) | (2.460.000) |
| Số dư cuối năm nay | 231.439.410.000 | 25.726.714.700 | 93.803.543.069 | 48.889.738.710 | 399.859.406.479 |

Đơn vị tính: VND

Trần Nguyễn Minh Hiền

Đỗ Thị Kim Lén
Người lập

Trần Nguyễn Minh Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha
Tổng Giám đốc